TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Tuyết Nhung; Ông Phạm Văn Nhẹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: Ông Phan Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGD ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Điều N**, sinh năm 1973; (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1974; (Có mặt)
Thường trú: Số 10 N, khu phố B, Phường H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
Chỗ ở: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Điều N trình bày: Qua tìm hiểu chị và anh Nguyễn Đức T tiến đến hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G năm 2002. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp cách sống, thường xuyên cự cải, anh T có tính hay ghen và thường hay khủng bố tinh thần chị, chị đã nộp đơn ly hôn hai lần và sau đó cho anh T cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có ba người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/10/2000, Nguyễn Đức T2, sinh ngày 04/10/2000 và Nguyễn Đức T3, sinh ngày 22/01/2009. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu T3 và không

yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T và cháu T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, phát sinh mâu thuẫn, theo anh nguyên nhân mẫu thuẫn là do tiền bạc, thời gian anh làm ăn thất thế, chị N là người làm ra tiền nên không tôn trọng anh, như việc chị N tự ý dùng tiền để làm từ thiện và mua thuốc cho người đàn ông khác mà không nói với anh, vì theo anh thì tiền vợ hoặc chồng làm ra trong thời kỳ hôn nhân là tiền chung. Chị N thường xuyên nhắn tin với nhiều người, bản thân anh cảm thấy chị N đang ngoại tình tư tưởng. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, do chị N không tin tưởng anh. Vợ chồng có cự cãi và có đánh nhau, anh có đánh chị N nhưng mỗi lần cũng không quá 03 cái còn chị N bóp cổ và đạp anh ra. Chị N hay kể chuyện gia đình cho người khác nghe, việc chị khám bệnh, anh là chồng mà anh không biết, nhưng người ngoài lại biết. Do chị N không tạo lòng tin cho chồng và anh không muốn ly hôn, nên anh không đồng ý yêu cầu của chị N.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị N về con chung. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con. Nếu Tòa giải quyết ly hôn anh tôn trọng ý kiến của con, đồng ý để chị N được quyền nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

- Anh T vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T; Về con chung giao cháu T3 cho chị N trực tiếp nuôi, anh T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không yêu cầu giải quyết; Về án phí thì chị N chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Điều N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức T có nơi cư trú khu phố B, Phường H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân

dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Lê Thị Điều N và anh Nguyễn Đức T sống chung vào năm 2000, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cải, chị N đã cho anh T cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau và không tôn trọng nhau. Anh T nêu ra mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn nhưng vẫn không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Chị N đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án hai lần và chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị N với anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử có động viên, giải thích pháp luật nhưng chị N vẫn yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Xét thấy hôn nhân của chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị N và anh T có ba người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 04/10/2000, Nguyễn Đức T2, sinh ngày 04/10/2000 và Nguyễn Đức T3, sinh ngày 22/01/2009.

Xét thấy, qua lời trình bày của chị N và kết quả xác minh tại địa phương nơi chị N, anh T cư trú thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu T3 đều do chị N và anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng về mặt tình cảm con chung gắn bó với chị N nhiều hơn. Tại bản tự khai ngày 20/02/2020, thì cháu T3 có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị N hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng có ý kiến nếu ly hôn anh đồng ý giao cháo T3 cho chị N được quyền nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh T về con chung, giao cháu T3 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T2 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Điều N phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Điều N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Điều N được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Điều N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức T3, sinh ngày 22/01/2009. Anh Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Điều N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43445 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Các đương sự;
- Lưu án ăn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy